

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAO LÃNH
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 61/2018/DS-ST
Ngày: 21-9-2018
V/v Hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAO LÃNH, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Phương Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Phước Tâm.
2. Bà Hồ Thị Mai Hương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 388/2018/TLST-DS, ngày 21 tháng 6 năm 2018 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 230/2018/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 8 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 163/2018/QĐST-DS, ngày 04 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N1.

Địa chỉ: số 18 Trần Hữu D, khu đô thị Mỹ Đ, Từ L1, Hà N2.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Hà Thúc N3 - Giám đốc Ngân hàng N1 - Chi nhánh huyện Cao L2, là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định về việc ủy quyền thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng và thi hành án số 510/QĐ-HĐTV-PC, ngày 19/6/2014).

Bị đơn: Trần Văn U, sinh năm 1969.

Trần Thị L3, sinh năm 1974.

Trần Thị Diễm S1, sinh năm 1995.

Trần Thị Thảo N4, sinh năm 2001.

Người đại diện hợp pháp của Trần Thị Thảo N4: Ông Trần Văn U, sinh năm

1969 (cha ruột) và bà Trần Thị L3, sinh năm 1974 (mẹ ruột); Địa chỉ: ấp 4, xã Ba S2, huyện Cao L2, tỉnh Đồng Tháp, là người đại diện theo pháp luật.

Cùng địa chỉ: ấp 4, xã Ba S2, huyện Cao L2, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông N3 có mặt; Ông U, bà L3, chị S1, chị N4 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/5/2018, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa, ông Hà Thúc N3 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng N1 (sau đây gọi tắt là NHNo) cho ông Trần Văn U vay tiền các lần như sau:

+ *Lần thứ nhất:* Theo Hợp đồng tín dụng 0701411.092, ngày 18/4/2014, nội dung cụ thể:

- Số tiền vay: 100.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 06 tháng.
- Mục đích sử dụng tiền vay: sản xuất lúa và chăn nuôi heo.
- Lãi suất trong hạn: 8%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn là 12%/năm.

- Biện pháp bảo đảm: Hộ ông U đã thế chấp tài sản cho NHNo là quyền sử dụng đất thuộc thửa 251, tờ bản đồ số 7, diện tích 7.897m², loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Ba S2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 513355 cho hộ ông Trần Văn U ngày 30/11/2010, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 027/1, ngày 02/3/2011. Hợp đồng được công chứng ngày 03/3/2011 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Cao L2 chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất như trên cùng ngày.

- Quá trình vay, ông U đã trả được số tiền vốn 40.000.000 đồng, còn dư nợ 60.000.000 đồng và đã quá hạn từ ngày 16/10/2014.

+ *Lần thứ hai:* Theo Hợp đồng tín dụng 0700412.025, ngày 21/8/2014, nội dung cụ thể:

- Số tiền vay: 300.000.000 đồng.
- Thời hạn vay: 36 tháng.
- Mục đích sử dụng tiền vay: xây dựng nhà ở.
- Lãi suất trong hạn: 13%/năm.
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất trong hạn là 19,5%/năm.

- Biện pháp bảo đảm: Ông U và vợ Trần Thị L3 đã thế chấp tài sản cho NHNo là quyền sử dụng đất thuộc các thửa 477, diện tích 7.751m², loại đất chuyên trồng lúa nước; thửa 537, diện tích 3.951m², loại đất trồng cây lâu năm; thửa 538, diện tích 2.297m², loại đất ở tại nông thôn, 03 thửa đất trên cùng tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã Ba S2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn U lần lượt theo các số BL 178270, BL 178271 và BL 178272 cùng ngày 06/9/2012, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 025, ngày 20/8/2014, hợp đồng được công chứng và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Cao L2 chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất như trên cùng ngày.

- Quá trình vay, ông U đã trả được số tiền vốn 50.000.000 đồng, còn dư nợ 250.000.000 đồng và đã quá hạn từ ngày 16/02/2015.

Nay NHNo yêu cầu:

- Ông U và bà L3 liên đới trả cho NHNo số nợ vốn và lãi phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng số 0701411.092, ngày 18/4/2014 và 0700412.025, ngày 21/8/2014 tính đến ngày 21/9/2018 là 484.463.021 đồng, trong đó nợ vốn là 310.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 136.547.570 đồng, nợ lãi quá hạn 37.915.451 đồng.

- Yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 22/9/2018 đến khi trả xong nợ theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các hợp đồng.

- Trường hợp ông U và bà L3 thanh toán hết nợ thì NHNo sẽ trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp.

- Trường hợp ông U và bà L3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì NHNo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đang thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất nêu trên để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, ông N3 là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chị S1 và chị N4 cùng có trách nhiệm trả nợ, chỉ yêu cầu ông U và bà L3 trả tất cả các khoản nợ.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Hợp đồng tín dụng số 0701411.092, ngày 18/4/2014 (bản sao);
- Hợp đồng tín dụng số 0700412.025, ngày 21/8/2014 (bản sao);
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 027/1, ngày 02/3/2011 (bản sao);
- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 025, ngày 20/8/2014 (bản sao);
- Các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất kèm hợp đồng thế chấp (bản sao);
- Bảng kê tính lãi ngày 21/9/2018 (bản chính);

- Giấy xác nhận cư trú ngày 15/8/2018 (bản chính).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Căn cứ vào nội dung đơn khởi kiện của NHNo và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật đang tranh chấp là về hợp đồng tín dụng, địa chỉ của bị đơn tại huyện Cao Lãnh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh quy định tại khoản 3, Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tòa án nhân dân huyện Cao Lãnh đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng các bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng và cũng không có người đại diện tham gia phiên tòa. Căn cứ quy định tại điểm b, khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Về nội dung:

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của NHNo đối với các hợp đồng tín dụng, yêu cầu ông U và bà L3 liên đới trả cho NHNo số nợ vốn và lãi tính đến ngày 21/9/2018 là 484.463.021 đồng (trong đó nợ vốn là 310.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 136.547.570 đồng, nợ lãi quá hạn 37.915.451 đồng) và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 22/9/2018 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 0701411.092, ngày 18/4/2014 và 0700412.025, ngày 21/8/2014.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy: NHNo có đủ chứng cứ chứng minh vào các ngày 18/4/2014 và ngày 21/8/2014, ông U có ký 02 hợp đồng tín dụng với NHNo để vay số tiền tổng cộng 400.000.000 đồng. Nội dung từng hợp đồng thể hiện rõ thỏa thuận của hai bên về số tiền vay, thời hạn vay, lãi suất, mục đích sử dụng tiền vay, biện pháp bảo đảm trả nợ. Quá trình vay ông U đã trả được số nợ vốn tổng cộng 90.000.000 đồng thì không tiếp tục trả nữa. Đến nay thì thời hạn vay của các hợp đồng đã hết nhưng phía ông U vẫn chưa thanh toán xong nên đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ đối với NHNo.

[5] Quá trình giải quyết vụ án, phía ông U đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của tòa án nhưng không phản đối những tình tiết, yêu cầu mà phía NHNo đưa ra, không tham gia phiên họp, hòa giải và phiên tòa để trình bày ý kiến nên những chứng cứ, yêu cầu của NHNo thuộc trường hợp không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, nay NHNo yêu cầu phía ông U trả số nợ vốn và lãi tính đến ngày xét xử với số tiền 484.463.021 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 22/9/2018 đến khi trả xong nợ, theo mức lãi suất đã thỏa thuận là phù hợp quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 và Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).

[6] Về người có nghĩa vụ trả nợ, xét thấy: Theo Hợp đồng tín dụng thì chỉ có ông U là người vay tiền tuy nhiên đây là khoản nợ chung của vợ chồng ông U và bà L3. Bởi vì, theo Giấy đề nghị kiêm phương án vay vốn nhu cầu đời sống ngày 17/4/2014 và ngày 18/8/2014 thì ông U và vợ là bà L3 cùng đề nghị vay số tiền tổng cộng 400.000.000 đồng. Ông U là chủ hộ nên sẽ làm đại diện ký hợp đồng. Mục đích vay tiền cũng là sản xuất, chăn nuôi và xây dựng nhà ở. Đồng thời trước đó, bà U cũng thống nhất thế chấp quyền sử dụng đất cấp cho ông U để đảm bảo trả nợ cho khoản vay này. Do vậy, nay NHNo yêu cầu ông U và bà L3 có trách nhiệm liên đới trả nợ là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Đồng thời, tại phiên tòa, NHNo xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, không tiếp tục yêu cầu chị N4 và chị S1 là các con của ông U, bà L3 cùng liên đới trả nợ. Xét thấy, đây là sự tự nguyện của nguyên đơn phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng nên Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của NHNo đối với chị Trần Thị Diễm S1 và Trần Thị Thảo N4 về việc cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

[8] Xét yêu cầu khởi kiện của NHNo về hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất, cụ thể: Trường hợp ông U và bà L3 thanh toán hết nợ thì NHNo sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp; Trường hợp ông U và bà L3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì NHNo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đang thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để thu hồi nợ.

[9] Hội đồng xét xử xét thấy: các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 027/1, ngày 02/3/2011 và 025, ngày 20/8/2014 có nội dung thế chấp: (1) quyền sử dụng đất thuộc thửa 251, tờ bản đồ số 7, diện tích 7.897m², loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Ba S2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 513355 cho hộ ông Trần Văn U ngày 30/11/2010; (2) quyền sử dụng đất thuộc thửa 477, diện tích 7.751m², loại đất chuyên trồng lúa nước; (3) quyền sử dụng đất thuộc thửa 537, diện tích 3.951m², loại đất trồng cây lâu năm; (4) quyền sử dụng đất thuộc thửa 538, diện tích 2.297m², loại đất ở tại nông thôn, 03 thửa đất trên cùng tờ bản đồ số 7 tọa lạc tại xã Ba S2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Trần Văn U lần lượt theo các số BL 178270, BL 178271 và BL 178272 cùng ngày 06/9/2012. Việc thế chấp là để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán cho hai khoản nợ vay. Các hợp đồng thế chấp đã được công chứng và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Cao L2 chứng nhận việc thế chấp quyền sử dụng đất là đúng quy định pháp luật. Do đó, căn cứ quy định tại điểm c, khoản 1 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tình tiết không phải chứng minh, các hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất có hiệu lực buộc các bên phải thực hiện. Nay NHNo yêu cầu: Trường hợp ông U và bà L3 thanh toán hết nợ thì NHNo sẽ trả lại các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là tài sản thế chấp; Trường hợp ông U và bà L3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán thì NHNo có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm

quyền bán đấu giá các tài sản đang thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để thu hồi nợ là phù hợp thỏa thuận của hợp đồng, có căn cứ chấp nhận.

[10] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu của NHNo.

[11] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí và trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1, Điều 6 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 26, 35, 39, 92, 147, 227 và 244 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 463 Bộ luật dân sự 2015;
- Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Điều 11 Quy chế cho vay của Tổ chức tín dụng đối với khách hàng (Ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN, ngày 31/12/2001 của Thống đốc N4 hàng Nhà nước);
- Điều 37 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1.

2. Buộc ông Trần Văn U và bà Trần Thị L3 có trách nhiệm liên đới trả cho Ngân hàng N1 số nợ vốn và lãi tổng cộng là 484.463.021 đồng (bốn trăm tám mươi bốn triệu bốn trăm sáu mươi ba nghìn không trăm hai mươi một đồng) (trong đó nợ vốn là 310.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 136.547.570 đồng, nợ lãi quá hạn 37.915.451 đồng) và tiền lãi phát sinh của từng khoản nợ kể từ ngày 22/9/2018 đến khi trả xong, theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng số 0701411.092, ngày 18/4/2014 và 0700412.025, ngày 21/8/2014.

3. Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng N1, nếu ông Trần Văn U và bà Trần Thị L3 trả hết nợ thì Ngân hàng N1 có trách nhiệm trả lại tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 027/1, ngày 02/3/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 025, ngày 20/8/2014 cho ông U và bà L3.

4. Khi quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu của Ngân hàng N1, nếu ông Trần Văn U và bà Trần Thị L3 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền bán đấu giá tài sản đang thế chấp theo các Hợp đồng thế

chấp quyền sử dụng đất số 027/1, ngày 02/3/2011 và Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 025, ngày 20/8/2014 để thu hồi nợ, cụ thể là:

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa 251, tờ bản đồ số 7, diện tích 7.897m², loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại ấp 4, xã Ba S2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BD 513355 cho hộ ông Trần Văn U ngày 30/11/2010.

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa 477, tờ bản đồ số 7, diện tích 7.751m², loại đất chuyên trồng lúa nước, đất tọa lạc tại xã Ba S2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 178270 cho ông Trần Văn U ngày 06/9/2012.

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa 537, tờ bản đồ số 7, diện tích 3.951m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại xã Ba S2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 178271 cho ông Trần Văn U ngày 06/9/2012.

+ Quyền sử dụng đất thuộc thửa 538, diện tích 2.297m², loại đất ở tại nông thôn, tờ bản đồ số 7 đất tọa lạc tại xã Ba S2, huyện Cao L2, được Ủy ban nhân dân huyện Cao L2 cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BL 178272 cho ông Trần Văn U ngày 06/9/2012.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N1 đối với chị Trần Thị Diễm S1 và Trần Thị Thảo N4 về việc cùng có trách nhiệm liên đới trả nợ.

6. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Trần Văn U và bà Trần Thị L3 phải liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm 23.379.000 đồng (Hai mươi ba triệu ba trăm bảy mươi chín nghìn đồng).

- Ngân hàng N1 không phải chịu án phí nên được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 11.367.000 đồng (Mười một triệu ba trăm sáu mươi bảy nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000324, ngày 19/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Cao Lãnh, Đồng Tháp.

7. Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. Cao L2;
- CC THADS H. Cao L2;
- TAND tỉnh ĐT;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Thị Phương Thảo